TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 16/2017/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2017
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Ngô Thị Kim Thêu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Thanh G, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

Bị đơn: Anh Tạ Văn K, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh G trình bày:

Chị và anh Tạ Văn K đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N vào ngày 21 tháng 12 năm 2001. Trước khi kết hôn, chị và anh K đều được tự do tìm hiểu nhau và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình anh K ngay. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến việc vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn là do anh K thường xuyên chửi bới đánh đập chị, đến lỗi nhiều lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Bản thân chị cũng đã nhiều lần tha thứ cho anh K về thái độ đối xử của anh K với chị để vợ chồng về sống

đoàn tụ và cùng nhau nuôi dạy con. Nhưng tháng 02 năm 2017, anh K không những không thay đổi ngược lại ngày càng quá đáng hơn. Do không thể chịu được thêm nữa nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị G xác định, vợ chồng chị có 02 con chung là Tạ Thị Thu NG, sinh ngày 17/11/2002 và Tạ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2006. Hiện tại cháu NG đang ở với chị, còn cháu N đang ở với anh K. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở công nợ và công sức. Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Tạ Văn K trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và con chung như lời trình bày trên của chị G là đúng. Tuy nhiên, theo anh K thì nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không hiểu nhau, sống mất niềm tin và thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Nhiều lần chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh phải sang đón về. Đỉnh điểm là tháng 02 năm 2017, chị G tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh có sang đón chị về nhưng chị không về, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy, thực tế vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị G kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh K xác định, vợ chồng có 02 con chung là Tạ Thị Thu NG, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2002 và Tạ Hoàng N, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2006. Hiện tại cháu NG đang ở với chị G, còn cháu N đang ở với anh. Ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở công nợ và công sức. Anh K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Thẩm phán và Thư ký Toà án đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà cũng làm đầy đủ và đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Thanh G, cho chị G được ly hôn với anh

K. Giao cháu Tạ Thị Thu NG, sinh ngày 17/11/2002 cho chị Tạ Thị Thanh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Giao cháu Tạ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2006 cho anh Tạ Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con chung với người trực tiếp nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị G và anh K.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị G và anh K không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị Thanh G là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Tạ Văn K. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị G và anh K đều thừa nhận anh chị kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 12 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình.Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị G xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K thực sự là không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Căn cứ vào các lời trình bày của chị G và anh K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng. Chị Tạ Thị Thanh G và anh Tạ Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Trước khi kết hôn, chị G và anh K đều chưa ai kết hôn lần nào. Vì vậy xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị G và anh K đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị G và anh K không hiểu nhau, sống mất niềm tin và thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Nhiều lần anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh K sang đón chị về đoàn tụ nhưng tình cảm giữa chị G và anh K không mấy cải thiện. Đỉnh điểm, tháng 02 năm 2017 chị G tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, trong thời gian anh chị sống ly thân. Vợ chồng không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chị G xác định, tình cảm vợ chồng thực tế không còn cho nên không thể hàn gắn lại được với

nhau, còn anh K cho rằng. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, tại phiên hòa giải lần một anh K xin được đoàn tụ nhưng đến phiên hòa giải lần hai, anh K lại đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh K cũng tỏ thái độ buông xuôi nếu chị G kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh K đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định. Yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ nên cần được chấp nhận và cho chị G được ly hôn anh Tạ Văn K.

Về con chung: Chị G và anh K đều thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là Tạ Thị Thu NG, sinh ngày 17/11/2002 và Tạ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2006. Hiện nay cháu NG đang ở với chị G, còn cháu N đang ở với anh. Ly hôn, cả chị G và anh K đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời nguyện vọng của hai cháu NG và N đều xin được ở với chị G. Xét thấy, nguyện vọng xin được nuôi con của chị G và anh K, nguyện vọng của hai cháu NG và N đều xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xác định đây là nguyện vọng chính đáng. Nhưng việc nuôi dạy các con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ nên yêu cầu xin được nuôi cả hai con của chị G và anh K cùng với nguyện vọng của hai cháu NG và N xin được ở với mẹ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, một mình chị G hay một mình anh K nuôi cả hai con sẽ không thể đảm bảo được cuộc sống tốt, đầy đủ cho cháu NG và cháu N. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N thể hiện. Chị G đang làm công nhân và ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ, còn anh K đang làm nghề thợ mộc tại nhà. Tại phiên tòa, chị G và anh K xác định thu nhập bình quân của chị G là 7.000.000 đồng, còn thu nhập bình quân của anh K là khoảng 10.000.000 đồng. Với mức thu nhập trên thì chị G và anh K không thể nuôi được tất cả hai cháu NG và N, hiện tại cháu NG đang ở với chị G, còn cháu N đang ở với anh K. Việc giao con phải căn cứ vào điều kiện thực tế của từng người và tránh sự sáo trộn tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị G được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu NG cho đến khi thành niên. Giao cháu N cho anh K được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị G và anh K không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị G và anh K không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị G và anh K không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Thanh G và anh Tạ Văn K.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Tạ Thị Thu NG, sinh ngày 17/11/2002 cho chị Tạ Thị Thanh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Giao con chung Tạ Hoàng N, sinh ngày 12/3/2006 cho anh Tạ Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con chung với người trực tiếp nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị G và anh K.

3/ Về án phí: Chị Tạ Thị Thanh G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001690 ngày 11 tháng 4 năm /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị G đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA.DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh